

Bản án số: 343/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THNH PHỐ HỒ CHÍ M

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phương Tín.
2. Bà Nguyễn Thị M Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, THnh phố Hồ Chí M xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2023/TLST – HNGĐ ngày 06/3/2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà TTNH - Sinh năm 1979

Địa chỉ: 69/1/17 đường THC03, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, THnh phố Hồ Chí M (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Ông CBM – Sinh năm 1974.

Địa chỉ: 69/1/17 đường TCH03, khu phố 10, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, THnh phố Hồ Chí M.

Tạm trú: 138 Công Chúa Ngọc Hân, Phường 12, Quận 11, THnh phố Hồ Chí M (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo Đơn khởi kiện và các biên bản lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà TTNH trình bày:

Bà H và ông CBM kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/2003 ngày 08/7/2003 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp.

Cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông M trong những năm gần đây không có hạnh phúc do tính tình hai bên không hòa hợp, hai bên đã không còn chung sống với nhau 05 năm nay. Hiện giờ tình cảm của bà H đối với ông M không còn, không thể

Hn gắn với nhau được nên bà yêu cầu ly hôn với ông M để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

Về con chung: Bà H và ông CBM có 02 con chung là:

- CHC, nam, sinh ngày 08/8/2003 đã trưởng thành, muốn ở với cha hay mẹ tùy ý.

- CNMC, nữ, sinh ngày 23/12/2010.

Hiện nay trẻ CNMC đang ở với ông M, đang có cuộc sống học tập và sinh hoạt ổn định nên bà H sẽ tiếp tục giao trẻ cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Do hoàn cảnh của bà H khó khăn nên bà H không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà TTNH có Đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông CBM đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập để Tòa án lấy lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông M đều vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông M và không thể tiến hành hoà giải giữa hai bên được.

3. Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

a) Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo về thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn và về thời hạn đưa vụ án ra xét xử, đề nghị khắc phục.

b) Về nội dung vụ án:

- Yêu cầu ly hôn của bà TTNH đối với ông CBM là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

- Về con chung:

+ CHC, nam, sinh ngày 08/8/2003 đã trưởng thành, muốn ở với cha hay mẹ tùy ý.

+ CNMC, nữ, sinh ngày 23/12/2010, giao cho ông CBM trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết do phía ông CBM không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà TTNH khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông CBM, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông M có nơi cư trú tại Quận 11 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Ông M đã được Tòa án tổng đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiền Hnh xét xử vắng mặt đối với bà H và ông M.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

a) Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà TTNH và ông CBM có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông M không có hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện nay bà H và ông M đã không còn chung sống với nhau. Bà H xác định không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu được ly hôn với ông M.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông M là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

* Về con chung: Bà H và ông M có 02 con chung là:

- CHC, nam, sinh ngày 08/8/2003 đã trưởng thành, muốn ở với cha hay mẹ tùy ý nên không xem xét.

- CNMC, nữ, sinh ngày 23/12/2010.

Căn cứ vào sự trình bày của bà H và kết quả xác M của Công an Phường 12, Quận 11 thì hiện nay trẻ CNMC đang ở với ông M, đang có cuộc sống học tập và sinh hoạt ổn định. Đồng thời, trẻ C cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, việc bà H yêu cầu tiếp tục giao trẻ C cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do trong quá trình giải quyết vụ án, ông M đã vắng mặt và không có ý kiến về việc việc yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không có cơ sở để xem xét.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét.

b) Về phía bị đơn:

Theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng M cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

(...) Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng M cho sự phản đối đó ...”

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông CBM không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngoài ra, tại các buổi lấy lời khai, các phiên hòa giải và trong các phiên tòa xét xử ông M đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông M không có thiện chí muốn tiếp tục chung sống với bà H và chấp nhận ly hôn với bà H.

3. Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trong việc giải quyết vụ án:

Xét thấy, tất cả các đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết các quan hệ về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung trong vụ án này đều có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về án phí: Bà TTNH chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà TTNH. Bà TTNH được ly hôn với ông CBM.

Giấy chứng nhận kết hôn số xx/2003 ngày 08/7/2003 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung;

- CHC, nam, sinh ngày 08/8/2003 đã trưởng thành, muốn ở với cha hay mẹ tùy ý.

- CNMC, nữ, sinh ngày 23/12/2010, ông CBM được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đối với trẻ C. Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không có yêu cầu.

Bà TTNH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TTNH khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí:

Bà TTNH chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020839 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi Hình án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi Hình án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS-TAND TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Q.11;
- UBND xã Hòa Minh,
H. Châu Thành, T. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Vĩ Bửu